

**QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
V/v ban hành "Quy định về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi
trong phạm vi thành phố Cần Thơ"**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 20/5/1998;

Căn cứ Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi ngày 04/4/2001;

Căn cứ Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Giám đốc Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trong phạm vi thành phố Cần Thơ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan Ban, ngành thành phố có liên quan và Chủ tịch UBND quận, huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp
- Bộ NN&PTNT
- TT.TU, TT.HĐND, TV.UBNDTP
- UBMTTQ và các đoàn thể
- VPTU và các Ban Đảng
- Các Sở, Ban, ngành
- TT.HĐND - UBND quận, huyện
- Báo CT, Đài PT-TH CT
- VP UBND TP (2A, 2B, 2D, 4)
- Lưu TTLT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TP. CẦN THƠ
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Võ Thanh Tòng

**QUY ĐỊNH VỀ KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI
TRONG PHẠM VI THÀNH PHỐ CẦN THƠ
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 283/2004/QĐ-UB
ngày 18 tháng 8 năm 2004 của UBND thành phố Cần Thơ)**

Công trình thủy lợi là công trình thuộc kết cấu hạ tầng nhằm khai thác mặt lợi của nước; phòng, chống tác hại do nước gây ra, bảo vệ môi trường và cân bằng môi trường sinh thái, bao gồm: hồ chứa nước, đập, cống, trạm bơm, giếng, đường ống dẫn nước, kênh, công trình trên kênh và bờ bao các loại.

Để tăng cường hiệu lực quản lý Nhà nước, nâng cao trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân và mọi cá nhân trong việc khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi nhằm phục vụ sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội, góp phần bảo đảm an toàn xã hội và an ninh quốc gia.

Căn cứ các quy định của Nhà nước và tình hình thực tế của địa phương, UBND thành phố Cần Thơ ban hành quy định về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trong phạm vi thành phố Cần Thơ.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. UBND các cấp thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi ở địa phương. Cơ quan quản lý về thủy lợi ở địa phương có trách nhiệm giúp UBND cùng cấp thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trong phạm vi thành phố Cần Thơ.

Điều 2. Công trình thủy lợi do tổ chức, cá nhân nào khai thác thì tổ chức, cá nhân đó chịu trách nhiệm tổ chức quản lý, bảo vệ và bảo đảm an toàn công trình theo quy định của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

Điều 3. Khi cải tạo hoặc xây dựng bổ sung công trình thủy lợi mới vào hệ thống công trình thủy lợi đã có phải tuân thủ theo quy hoạch, kế hoạch và phải có Dự án đầu tư đã được cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền cho phép.

Điều 4. Khi tiến hành các hoạt động trong phạm vi quản lý và bảo vệ các công trình thủy lợi có liên quan đến an toàn và hiệu quả công trình thì phải được cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền cho phép.

Điều 5. Việc khai thác, sử dụng công trình thủy lợi vào mục đích giao thông - vận tải, nuôi trồng thủy sản và các mục đích khác phải tuân theo các quy định của pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

Điều 6. "Thủy lợi phí" là phí dịch vụ về nước để góp phần chi phí cho việc quản lý, duy tu, bảo dưỡng và bảo vệ công trình thủy lợi.

Mọi tổ chức, cá nhân sử dụng nước, làm dịch vụ từ công trình thủy lợi, xả nước thải vào công trình thủy lợi có trách nhiệm nộp thủy lợi phí, tiền nước, phí xả nước thải cho tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định của UBND thành phố Cần Thơ.

Điều 7. UBND các cấp có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra việc thu, nộp thủy lợi phí, tiền nước, phí xả nước thải trong địa phương mình. Nghiêm cấm mọi hành vi xâm hại đến công trình thủy lợi; chiếm dụng, sử dụng trái pháp luật thủy lợi phí, tiền nước, phí xả nước thải.

Chương II

KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ CỐNG, ĐẬP

Điều 8. Việc đóng mở các loại cửa cống, việc theo dõi kiểm tra, bảo dưỡng công trình phải thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật.

Điều 9. Cống, đập được xây dựng ở địa phương nào thì Trạm Thủy lợi quận, huyện đó cùng với UBND các phường, xã phải cử thủ cống vận hành đóng, mở cống, bảo vệ, bảo dưỡng cống đập và phải có bản nội quy niêm yết tại cống, đập.

Điều 10. Phạm vi bảo vệ cống bao gồm bản thân công trình và vùng phụ cận được quy định như sau:

- Đối với cống bọng có khẩu độ B nhỏ hơn 2 m, vùng phụ cận tính từ phần xây đúc cuối cùng của công trình trở ra các phía từ 3 m - 5 m.
- Đối với cống bọng có tổng bề rộng cửa B từ 2 m - 6 m, vùng phụ cận tính từ phần xây đúc cuối cùng của công trình trở ra các phía từ 6 m - 8 m.
- Đối với cống hở có tổng bề rộng cửa cống B lớn hơn 6 m, vùng phụ cận tính từ phần xây đúc cuối cùng của công trình trở ra các phía từ 8 m - 10 m.

Điều 11. Phạm vi bảo vệ đập và vùng phụ cận được quy định: cách đầu đập mỗi bên và cách thượng hạ lưu đập kể từ chân đập: từ 6 m - 8 m đối với đập cố định; từ 3 m - 6 m đối với đập tạm (đập thời vụ).

Điều 12. Trong phạm vi bảo vệ cống, đập nghiêm cấm mọi hành vi:

- Xâm phạm cơ sở vật chất kỹ thuật của công trình;
- Dùng chất nổ đánh bắt cá;
- Đổ rác, đổ đá xuống cống;
- Khoan, đào, khoét lấy đất, mở luồng lạch ven cống, đập;
- Xây cất nhà ở, quán hàng, kho tàng, bãi vật liệu, cơ sở sản xuất kinh doanh, chuồng trại;
- Làm bến tắm, giặt; bốc dỡ hàng; thả trâu, bò; kéo xuống ghe qua mặt đập, thân cống nếu không có thiết bị kéo thuyền.

Điều 13. Cấm người không có trách nhiệm tùy tiện đóng, mở cống, tháo dỡ dịch chuyển mọi kiến trúc của cống. Chỉ có thủ cống mới được quyền đóng, mở cống để phục vụ sản xuất, giao thông.

Điều 14. Tàu thuyền đi lại qua cống, đập phải chấp hành nội quy và sự hướng dẫn của thủ cống, không để tàu thuyền va chạm vào công trình; nếu để va chạm làm hư hỏng công trình, chủ phương tiện phải chịu trách nhiệm bồi thường tu sửa công trình.

Tàu thuyền chờ qua cống, đập phải neo đậu ngoài vùng phụ cận của cống, đập theo đúng quy định.

Điều 15. Chỉ có những xe có tải trọng (kể cả hàng hóa) bằng hoặc nhỏ hơn mức quy định tải trọng cho phép đối với mỗi cống, đập mới được phép đi qua cầu trên cống và mặt đập. Không được đậu xe trên cầu công trình, mặt đập, phải đậu xe ngoài vùng phụ cận cống, đập theo quy định.

Điều 16. Phân cấp quản lý cống, đập:

1. Trạm Thủy lợi quận, huyện có trách nhiệm tổ chức khai thác và bảo vệ các loại cống, đập:

- Cống hở có tổng bề rộng cửa B từ 3 m trở lên;
- Đập xây dựng trên sông rạch chính, kênh cấp I, cấp II.

2. UBND phường, xã có trách nhiệm tổ chức khai thác và bảo vệ các loại cống, đập:

- Cống hở có bề rộng cửa B nhỏ hơn 3 m;
- Đập xây dựng trên kênh cấp III.

3. Hợp tác xã nông nghiệp, tổ hợp tác, hộ gia đình có trách nhiệm khai thác và bảo vệ cống, bọng, đập trên kênh thủy lợi nội đồng thuộc phạm vi diện tích sản xuất của tập thể và cá nhân.

Riêng cống, đập lớn thuộc hệ thống công trình của các dự án thủy lợi, việc tổ chức quản lý, khai thác sử dụng có quy định riêng.

Chương III

KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ KÊNH MƯƠNG, BỜ BAO

Điều 17. Phạm vi bảo vệ kênh mương bao gồm: bờ bao ngăn lũ (kết hợp bờ kênh), lòng kênh, phần đất lưu không và vùng phụ cận hai bên kênh (phần đất lưu không tính từ mép kênh đến chân bờ kênh). Vùng phụ cận được tính từ mép trong phần đất lưu không trở vào đất liền được quy định như sau:

- Từ 2 m - 3 m đối với kênh có bề rộng mặt kênh B từ 10 m - 15 m;
- Từ 3 m - 5 m đối với kênh có bề rộng mặt kênh B từ 15 m - 25 m;
- Từ 5 m - 7 m đối với kênh có bề rộng mặt kênh B từ 25 m trở lên.

Điều 18. Trong phạm vi bảo vệ kênh, bờ bao, nghiêm cấm mọi hành vi:

- Xây dựng nhà cửa, hàng quán, kho tàng, cơ sở sản xuất dịch vụ, chuồng trại, đào ao, đào giếng;
- Trồng cây lâu năm làm ảnh hưởng đến an toàn bờ kênh và cản trở việc nạo vét kênh;
- Thả trâu, bò, súc vật đi lại dẫm phá làm sạt lở bờ kênh, mái kênh;
- Tự ý lấy đi hoặc xê dịch các thiết bị quan trắc, bảo vệ, quản lý công trình như: cọc mốc, biển báo, thiết bị đo nước;
- Tùy tiện đào xẻ bờ kênh để lấy nước, bắt chuột; trong trường hợp cần thiết lấy nước tưới, xả nước qua bờ kênh, bờ bao phải được sự đồng ý của chính quyền địa phương và khi xong việc phải đắp trả lại nguyên trạng bờ kênh, bờ bao;
- Việc đặt trạm bơm tạm để tưới hoặc tiêu qua bờ kênh, bờ bao nhất thiết phải thực hiện việc gia cố bờ đặt bơm, bể hút, bể xả, đường dẫn nước; sau khi xong việc phải đắp đất trả lại nguyên trạng bờ kênh, bờ bao.

Điều 19. Trên các kênh rạch trong phạm vi lòng kênh, nghiêm cấm:

- Thả ngâm tre, gỗ và các vật liệu khác, cất trại ghe, chát chà, nò, đăng đỏ và các vật cản khác làm cản trở dòng chảy và giao thông thủy;
- Đổ rác, rơm rạ, vật bẩn, chất độc hại vào lòng kênh làm ô nhiễm nước trong kênh;
- Dùng chất nổ đánh bắt cá;
- Tự ý làm đập ngăn nước.

Điều 20. Khi bắc cầu kiên cố qua kênh, rạch phải bảo đảm độ thông lưu theo quy định để tàu thuyền qua lại an toàn ở nhịp giữa của cầu có chiều rộng tối thiểu là 8 m và lắp đặt theo kết cấu rời, có thể dùng cần cầu chuyển dịch một bên để các loại xáng có điều kiện di chuyển qua cầu khi thi công nạo, vét kênh, tránh không phải phá cầu. Cần có sự phối hợp giữa các ngành giao thông, nông nghiệp, thủy lợi và chính quyền địa phương để xác định chiều rộng của nhịp giữa cho phù hợp với yêu cầu thực tế.

Điều 21. Phân cấp khai thác và bảo vệ kênh mương, bờ bao:

1. Trạm Thủy lợi quận, huyện có trách nhiệm phối hợp với UBND phường, xã tổ chức khai thác, bảo vệ các tuyến kênh và bờ bao gồm: sông, rạch chính, kênh cấp I và kênh cấp II.

2. UBND phường, xã có trách nhiệm khai thác, bảo vệ các tuyến kênh và bờ bao gồm kênh cấp III trong phạm vi xã, phường.

3. Hợp tác xã nông nghiệp, tổ hợp tác, hộ gia đình có trách nhiệm khai thác và bảo vệ hệ thống kênh mương chân rết nội đồng, bờ bao thuộc phạm vi diện tích sản xuất của tập thể và cá nhân.

Chương IV

KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ TRẠM BƠM

Điều 22. Trạm bơm xây dựng ở địa phương nào thì Trạm Thủy lợi quận, huyện phải phối hợp với chính quyền địa phương thành lập Tổ quản lý trạm bơm.

Điều 23. Việc vận hành trạm bơm, việc kiểm tra bảo dưỡng công trình do Tổ quản lý trạm bơm thực hiện và phải đúng theo quy trình, quy định của các cơ quan quản lý Nhà nước cấp trên về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

Điều 24. Trạm bơm phải có hàng rào bảo vệ, phải có niêm yết nội quy. Phạm vi bảo vệ trạm bơm bao gồm: công trình nhà máy, trạm hạ thế, cống điều tiết và các vùng phụ cận.

Vùng phụ cận các trạm bơm được quy định như sau:

- Trạm bơm có tổng công suất 75 KVA trở xuống, vùng phụ cận tính từ hàng rào bảo vệ trở ra từ 3 m - 5 m;

- Trạm bơm có tổng công suất 75 KVA trở lên, vùng phụ cận từ hàng rào bảo vệ trở ra từ 5 m - 8 m.

Điều 25. Cấm người không có phận sự tùy tiện vào khu vực trạm bơm; không xây dựng nhà cửa, kho tàng, chôn thả gia súc trong vùng phụ cận của trạm bơm.

Điều 26. Phân cấp khai thác và bảo vệ trạm bơm:

1. Trạm Thủy lợi quận, huyện có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức khai thác và bảo vệ trạm bơm (điện, dầu) và hệ thống kênh mương của trạm bơm phục vụ cho diện tích liên xã, xã hoặc liên hợp tác xã.

2. Hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình có trách nhiệm tổ chức khai thác và bảo vệ trạm bơm, hệ thống kênh mương, cống, bọng phục vụ tưới tiêu cho diện tích sản xuất của tập thể và cá nhân.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Mọi tổ chức, cá nhân đều có trách nhiệm trong việc khai thác, sử dụng có hiệu quả các công trình thủy lợi; có trách nhiệm quản lý, bảo vệ, tu bổ, bảo dưỡng công trình thủy lợi và phát hiện, ngăn chặn những hành vi xâm hại công trình thủy lợi.

Điều 28. Tổ chức và cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện và vận động người khác thực hiện tốt những quy định về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi sẽ được xét thưởng theo quy định của pháp luật.

Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định này đã được nhắc nhở, giáo dục mà vẫn cố tình vi phạm thì tùy tính chất nghiêm trọng của vụ việc sẽ bị xử lý vi phạm hành chính hoặc truy tố theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 29. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm hướng dẫn chi tiết việc tổ chức thực hiện quy định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc chưa phù hợp với tình hình địa phương, cần báo cáo, kiến nghị để UBND thành phố xem xét bổ sung, chỉnh lý kịp thời./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TP. CẦN THƠ
CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Võ Thanh Tòng